TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 613/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2021
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Biền

Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Hải Y, sinh năm 1974; HKTT: tổ dân phố 7, phường P, quận H, Hà Nội. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết N, sinh năm 1968; HKTT: tổ dân phố 7, phường P, quận H, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Đều vắng mặt)

1. Chị Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/1998;
2. Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17/11/2002;
3. Cháu Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009.

HKTT: Tổ dân phố 7, phường P, quận H, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Bùi Hải Y**: Ông Đỗ Huy T - Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Hoàng A và cộng sư - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 17, ngõ 169 phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Hải Y trình bày:

Chị Bùi Hải Y và anh Nguyễn Viết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo thủ tục chung tại UBND phường P, Hà Đông, Hà Tây ngày 13/3/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở khu tập thể Học viện Quân Y, phường P, Hà Đông. Đến cuối năm 2013, gia đình chị chuyển về sống tại nhà Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội đến nay.

Quá trình chung sống, anh N đã thể hiện sự độc đoán, gia trưởng, có biểu hiện quan hệ với phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên sử dụng bạo L với chị; rượu bia bên ngoài về muộn gây sự chửi bới, đánh đập chị... Có lần về quê chị ở Thái Nguyên, anh N uống rượu say đánh cả anh con nhà bác chị Y. Anh N nhiều lần đánh chị trước mặt các con, có lần con lớn can ngăn anh N còn đánh cả con. Sự việc này diễn ra từ nhiều năm nay, hàng xóm cũng biết rõ, chị đã phải báo chính quyền địa phương. Anh N còn lấy điện thoại của chị, nhân danh chị nhắn tin cho người khác rồi đe dọa cả anh L, cầm dao kề vào cổ ép chị viết giấy nhận là có tình cảm với anh L (hàng xóm). Mẹ con chị thường xuyên sống trong sợ hãi. Có thời gian dài chị bị ốm yếu, suy sụp nghiêm trọng về thể chất và tinh thần nhưng vì các con chị đã gắng gượng chịu đựng. Đến nay, tình trạng cuộc sống chung giữa chị với anh N không được cải thiện mà ngày càng tồi tệ, khiến chị không thể chịu đựng nổi, các con chung cũng bị ảnh hưởng xấu về tình cảm, tinh thần.

Ngày 27/3/2020, khi biết chị Y đến Văn phòng luật sư tư vấn về việc ly hôn, anh N về đập phá chửi bới đánh đập, dọa giết chị. Ngay sau đó chị phải thuê nhà ra ngoài sinh sống vì sợ nguy hiểm đến tính mạng. Từ đó đến nay, anh chị không ai quan tâm đến ai, không có bất cứ liên hệ nào với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung với anh N không thể tiếp tục,

hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh N trong thời gian sớm nhất để chị sớm ổn định cuộc sống, lo cho các con một cuộc sống bình yên.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/1998; Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17/11/2002 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009. Khi chị chuyển ra ngoài, các con chung chị vẫn phải để sống cùng anh N. Chị chỉ dám mua sắm đồ ăn, đồ dùng về cho các con khi anh N vắng nhà. Khi chị đón con anh N cấm đoán, dọa nạt khiến các con sợ hãi.

Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi các con chung. Chị xin trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009 và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Anh N hiện là bác sĩ bệnh viện quân đội, thu nhập ổn định. Chị từ chối cung cấp thông tin chi tiết vì không muốn ảnh hưởng tới công việc của anh N.

Chị tôn trọng quyền tự lựa chọn của các con chung đã thành niên là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/1998 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17/11/2002. Các con lựa chọn ở với ai chị cũng đồng ý.

Về tài sản: Chị Y trình bày vợ chồng chị có các tài sản chung gồm:

1. Nhà đất tại thửa đất số 44 (17-N2), tờ bản đồ số 00, khu tập thể binh đoàn 12, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội (có địa chỉ Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội); diện tích 59,3m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY098761 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 05/5/2016 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 09/12/2020 tài sản này có trị giá 4.129.898.576 đồng

Ngoài ra bố mẹ chị có cho chị 05 mảnh đất tại quê chị ở Thái Nguyên là:

2. Đất ở tại thửa số 111P, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 50m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622504 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 105.000.000 đồng

3. Đất màu tại thửa số 111Q, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 39m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622501 do UBND thị xã S, tỉnh Thái

Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 3.042.000 đồng.

4. Đất màu tại thửa số 111N, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 28m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622502 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên hai vợ chồng là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y). Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 2.184.000 đồng.

5. Đất ở tại thửa số 81b, tờ bản đồ 36-IV tại xã Tân Quang, thị xã S, tỉnh Thái nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 110m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/6/2003 mang tên anh Nguyễn Viết N; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00054H/QSDĐ/2003/QĐ-UB/H. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 132.000.000 đồng. Chị Y trình bày Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh N cất giữ nên chị không có để xuất trình cho Tòa án.

6. Đất ở tại thửa số 81A, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 86m2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM178558 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/8/2013 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 103.200.000 đồng.

Chị Y trình bày vợ chồng chị không có nợ chung. Các thửa đất tại Thái Nguyên là tài sản của bố mẹ chị cho chị, hầu hết có vị trí gần với nhà đất của bố mẹ, chị em ruột của chị, là quê hương chị. Nay anh chị ly hôn, chị xin được giao trực tiếp sử dụng các thửa đất này để thuận tiện cho cuộc sống của gia đình chị trong quá trình sử dụng vì sau này anh N sẽ không còn liên quan đến quê hương chị. Anh N không có đóng góp gì vào phần tài sản này, chị đề nghị chị được hưởng 70%; anh N được hưởng 30%, nếu ai sử dụng phần giá trị nhiều hơn thì phải thanh toán phần chênh lệch cho người còn lại. Đối với nhà đất của vợ chồng tại Y, Hà Đông, chị Y yêu cầu chia đôi mỗi người hưởng 1/2 giá trị. Chị nhất trí giao cho anh N tiếp tục sở hữu, sử dụng tài sản này và thanh toán cho chị phần chênh lệch. Các tài sản vật dụng đồ dùng khác trong gia đình chị không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo, yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập hợp lệ đối với anh N. Tuy nhiên, anh N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, không cung cấp chứng cứ đầy đủ đối với các yêu cầu của chị Y. Anh N gửi qua đường bưu điện ý kiến cho rằng chị Y có

việc ngoại tình (có bản photo giấy viết tay của chị Y, anh L kèm theo), anh có ý định giám định gen các con chung...

Các con chung của chị Y, anh N là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/1998; Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17/11/2002 (hiện đã trưởng thành); Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009 đều trình bày: mâu thuẫn của anh N, chị Y đã kéo dài, anh chị nhiều lần xô xát. Con chung nhiều lần chứng kiến việc anh N đánh đập chị Y ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm, tinh thần của các cháu. Cả 3 con chung đều xin được ở với mẹ, được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Bố mẹ của chị Y là ông Bùi Trọng A và bà Dương Thị B có ý kiến: Mâu thuẫn của vợ chồng chị Y, anh N đã có từ lâu và kéo dài. Anh N có nhiều việc làm sai trái, gây tổn thương cho chị Y và các con chung và đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị Y để chị sớm ổn định cuộc sống.

Chính quyền địa phương nơi chị Y, anh N cư trú cung cấp: Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng chị Y, anh N thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xô xát; hàng xóm của anh chị đều biết và phản hồi với chính quyền địa phương. Chị Y có lần báo chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết về việc bị anh N bạo hành.

Trình bày của anh Nguyễn Huy L và vợ là chị Nguyễn Thị V (hàng xóm cũ của anh N, chị Y) thể hiện: chị Y và anh chị là hàng xóm nên thi thoảng có nhắn tin hỏi thăm nhau. Sau đó anh N đe dọa, bắt anh L viết giấy nhận là có ngoại tình với chị Y không đúng sự thực. Anh chị khẳng định giữa anh L và chị Y không hề có chuyện quan hệ ngoại tình.

Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: Thửa số 81A, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên do anh Nguyễn Viết N và chị Bùi Hải Y nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị X và ông Cao Xuân H. Thửa số 81b, tờ bản đồ 36-IV tại xã Tân Quang, thị xã S, tỉnh Thái nguyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/6/2003 mang tên ông Nguyễn Viết N; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00054H/QSDĐ/2003/QĐ-UB/H, do quá trình luân chuyển hồ sơ qua các thời kỳ nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận đã bị thất lạc.

Tại phiên tòa:

Chị Y giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng như đã trình bày và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Viết C, sinh

ngày 04/10/2009; chị yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng mỗi tháng.

Anh N vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Y có ý kiến: Mâu thuẫn trong gia đình giữa chị Y và anh N đã diễn ra trong thời gian dài, anh N thường xuyên có hành vi bạo L với chị Y gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của chị Y. Sự việc này đã được chứng minh bằng ý kiến của chính quyền nơi gia đình anh chị sinh sống, ý kiến của các con chung, ý kiến của bố mẹ chị Y. Hiện tại chị Y và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2020, thể hiện mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay thời gian đã rất lâu nhưng mâu thuẫn của anh chị cũng không giải quyết được, cuộc sống chung của anh chị không thể tiếp tục. Đến nay, chị Y xin được ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với mẹ, được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu C phù hợp với nguyện vọng và khả năng nuôi con chung của chị Y nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, tạo điều kiện để cháu C được nuôi dưỡng trong môi trường cháu yên tâm cả về thể chất lẫn tinh thần và buộc anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y.

Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị của chị Y là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Về thời hạn xét xử, vụ án quá thời hạn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Hải Y về việc xin ly hôn anh Nguyễn Viết N.

Về con chung: Đề nghị giao chị Bùi Hải Y trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009. Buộc anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y.

Về tài sản: Đề nghị giao tài sản chung là các thửa đất tại S, tỉnh Thái Nguyên cho chị Y được quyền sử dụng; giao anh N sử dụng nhà đất tại Y, Hà Đông. Chấp nhận yêu cầu của chị Y về tỷ lệ chia tài sản chung. Chia chị Y hưởng 70%, anh N hưởng 30% giá trị tài sản là 04 thửa đất tại S, Thái Nguyên. Tài sản nhà đất tại Y, Hà Đông, Hà Nội và thửa đất 81A tại S, Thái Nguyên chia mỗi anh chị hưởng 50% giá trị. Anh N phải thanh toán phần giá trị chênh lệch được hưởng cho chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Hải Y và anh Nguyễn Viết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo thủ tục chung tại UBND phường P, Hà Đông, Hà Tây ngày 13/3/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị nhiều lần xảy ra xô xát cãi vã, thời gian mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không giải quyết được. Kể từ đầu năm 2020, chị Y đã bỏ ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân không còn quan tâm hay liên hệ với nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị còn được chứng minh bằng ý kiến cung cấp của chính quyền địa phương nơi gia đình anh chị sinh sống, ý kiến của các con chung, ý kiến của bố mẹ chị Y.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh N không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ thiếu tôn trọng đối với việc giải quyết vụ án.

Việc anh N cho rằng chị Y ngoại tình cũng không làm thay đổi được tình trạng hôn nhân, không làm thay đổi được tình cảm vợ chồng của anh chị hiện nay; không là căn cứ cơ bản để xem xét yêu cầu của chị Y về việc xin ly hôn anh N. Đây cũng không phải là lý do để khẳng định anh chị vẫn còn tình cảm vợ chồng, không thể hiện anh chị có thể hạnh phúc nếu tiếp tục chung sống. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, giữa anh chị cũng không có bất cứ việc làm, liên hệ nào thể hiện khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai bên đã không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, kéo dài; đến nay chị Y khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị kiên quyết xin ly hôn anh N để sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Hải Y với anh Nguyễn Viết N.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/1998 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17/11/2002 (hiện đã trưởng thành); Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009. Các con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung. Chị Y xin được trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Viết C, sinh ngày 04/10/2009. Chị xuất trình tài liệu hiện công tác tại Học viện quân y, có thu nhập ổn định, đảm bảo được việc nuôi dưỡng và dạy bảo con chung. Chị đề nghị anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng mỗi tháng.

Xét đề nghị của chị Y là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận và buộc anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y 3.000.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc anh chị có thỏa thuận khác.

[4] Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Anh chị không có công nợ chung.

Về tài sản chung gồm:

1. Nhà đất tại thửa đất số 44 (17-N2), tờ bản đồ số 00, khu tập thể binh đoàn 12, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội (có địa chỉ Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội); diện tích 59,3m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY098761 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 05/5/2016 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 09/12/2020 tài sản này có trị giá 4.129.898.576 đồng.

2. Đất ở tại thửa số 111P, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 50m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622504 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 105.000.000 đồng.

3. Đất màu tại thửa số 111Q, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 39m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622501 do UBND thị xã S, tỉnh Thái

Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 3.042.000 đồng.

4. Đất màu tại thửa số 111N, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 28m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622502 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên hai vợ chồng là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y). Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 2.184.000 đồng.

5. Đất ở tại thửa số 81b, tờ bản đồ 36-IV tại xã Tân Quang, thị xã S, tỉnh Thái nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 110m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/6/2003 mang tên anh Nguyễn Viết N; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00054H/QSDĐ/2003/QĐ-UB/H. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 132.000.000 đồng. Chị Y trình bày Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh N cất giữ nên chị không có để xuất trình cho Tòa án.

6. Đất ở tại thửa số 81A, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 86m2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM178558 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/8/2013 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Kết quả định giá ngày 30/11/2020 tài sản này có trị giá 103.200.000 đồng. Tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S cung cấp do anh chị nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị X và ông Cao Xuân H.

Tổng giá trị tài sản chung là: 4.475.324.576 đồng.

Xét thấy:

Nhà đất tại Y, Hà Đông trị giá 4.129.898.576 đồng và thửa đất số 81A, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S cung cấp do anh chị nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị X và ông Cao Xuân H trị giá 103.200.000 đồng nên cần chia mỗi người hưởng hưởng 50% giá trị. Chị Y được hưởng giá trị 2 thửa đất là 2.064.949.288 đồng + 51.600.000 đồng = 2.116.549.288 đồng; anh N được hưởng giá trị 2 thửa đất là 2.064.949.288 đồng + 51.600.000 đồng = 2.116.549.288 đồng.

04 thửa đất tại còn lại tại Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên trị giá 242.226.000 đồng có nguồn gốc của bố mẹ chị Y cho chị Y nên cần chấp nhận đề nghị của chị Y, chia chị Y được hưởng 70% giá trị là 169.558.200 đồng; chia anh N được hưởng 30% giá trị là 72.667.800 đồng.

Tổng giá trị phần tài sản chung của vợ chồng chia cho chị Y là: 2.116.549.288 đồng + 169.558.200 đồng = 2.286.107.488 đồng.

Tổng giá trị phần tài sản chung của vợ chồng chia cho anh N là: 2.116.549.288 đồng + 72.667.800 đồng = 2.189.217.088 đồng.

Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên là quê hương của chị Y, nơi bố mẹ chị Y đang sinh sống nên cần giao toàn bộ phần tài sản là 05 thửa đất tại Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên cho chị Y trực tiếp quản lý, sử dụng có trị giá là: 345.426.000 đồng. Giao anh N trực tiếp quản lý sử dụng phần tài sản là nhà đất tại Y, Hà Đông, Hà Nội có trị giá là: 4.129.898.576 đồng. Anh N phải thanh toán phần chênh lệch đối với phần tài sản được nhận cho chị Y.

Phần chệnh lệch anh N phải tiếp tục thanh toán cho chị Y là 1.940.681.488 đồng.

Các tài sản, vật dụng sinh hoạt khác của vợ chồng, đương sự không đề nghị Tòa giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; anh N và chị Y phải chịu án phí dân sự theo giá trị tài sản được chia theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Hải Y với anh Nguyễn Viết N.

Xử chị Bùi Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Viết N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Viết C (sinh ngày 04/10/2009; giới tính nam) cho chị Bùi Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Viết N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y 3.000.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi anh chị có thỏa thuận khác.

Anh Nguyễn Viết N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

3.1 Xác nhận tài sản chung của anh chị gồm:

1. Nhà đất tại thửa đất số 44 (17-N2), tờ bản đồ số 00, khu tập thể binh đoàn 12, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội (có địa chỉ Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội); diện tích 59,3m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY098761 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 05/5/2016 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Trị giá 4.129.898.576 đồng.

2. Đất ở tại thửa số 111P, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 50m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622504 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Trị giá 105.000.000 đồng.

3. Đất màu tại thửa số 111Q, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 39m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622501 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Trị giá 3.042.000 đồng.

4. Đất màu tại thửa số 111N, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 28m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622502 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên hai vợ chồng là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y). Trị giá 2.184.000 đồng.

5. Đất ở tại thửa số 81b, tờ bản đồ 36-IV tại xã Tân Quang, thị xã S, tỉnh Thái nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 110m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/6/2003 mang tên anh Nguyễn Viết N; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00054H/QSDĐ/2003/QĐ-UB/H. Trị giá 132.000.000 đồng.

6. Đất ở tại thửa số 81A, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 86m2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM178558 do UBND thị xã S, tỉnh Thái

Nguyên cấp ngày 28/8/2013 mang tên anh chị là Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y. Trị giá 103.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 4.475.324.576 đồng (*bốn tỷ, bốn trăm bảy lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

3.2 Phần phân chia tài sản như sau: Chia chị Y được hưởng phần tài sản có tổng giá trị là: 2.286.107.488 đồng; anh N được hưởng phần tài sản có tổng giá trị là: 2.189.217.088 đồng. Cụ thể:

3.2.1 Giao chị Bùi Hải Y trực tiếp sở hữu, sử dụng tài sản là:

1. Thửa đất số 111P, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 50m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AC 622504 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y.

2. Thửa đất số 111Q, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 39m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622501 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y.

3. Thửa đất số 111N, tờ bản đồ 36 - III tại Xóm Đ, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 28m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 622502 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/9/2005 mang tên Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y.

4. Thửa đất số 81b, tờ bản đồ 36-IV tại xã T, thị xã S, tỉnh Thái nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 110m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/6/2003 mang tên Nguyễn Viết N.

5. Thửa đất số 81a, tờ bản đồ 36-IV tại Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (nay là Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); diện tích 86m2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM178558 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/8/2013 mang tên Nguyễn Viết N và Bùi Hải Y.

(Có sơ đồ chi tiết các thửa đất kèm theo)

Tổng giá trị tài sản là 345.426.000 đồng *(ba trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).*

Chị Bùi Hải Y được quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quyết định của bản án này tại các Cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2 Giao anh Nguyễn Viết N trực tiếp sở hữu, sử dụng tài sản là:

Nhà đất tại thửa đất số 44 (17-N2), tờ bản đồ số 00, khu tập thể binh đoàn 12, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội; diện tích 59,3m2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY098761 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 05/5/2016 mang tên ông Nguyễn Viết N và bà Bùi Hải Y. Có địa chỉ: Số X, khu tập thể binh đoàn Y, đường Bảo tàng H, tổ 17, phường Y, quận Hà Đông, Hà Nội

(Có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

Giá trị tài sản là 4.129.898.576 đồng *(bốn tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng).*

Anh Nguyễn Viết N được quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quyết định của bản án này tại các cơ quan có thẩm quyền khi hoàn tất việc thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản được giao cho chị Bùi Hải Y.

3.3 Anh Nguyễn Viết N phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản được giao cho chị Bùi Hải Y là 1.940.681.488 đồng *(một tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng).*

4. Về án phí: Chị Bùi Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 77.722.150 án phí dân sự sơ thẩm (được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0009127 ngày 19/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Anh Nguyễn Viết N phải chịu 75.784.342 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Hòa